

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN BÁC SĨ NỘI TRÚ
NĂM 2020 CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Công văn số: _____ /QĐ-ĐHYD ngày _____ tháng _____ năm 2020)

1. Chẩn đoán hình ảnh: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
1	1	Lương Thanh	Bình	Nam	08/10/1996	Gia Lai	Kinh
2	2	Lâm Thuý	Đoan	Nữ	30/7/1996	Sóc Trăng	Hoa
3	3	Nguyễn Hồng	Đức	Nam	29/11/1996	Thái Nguyên	Kinh
4	4	Lại Diệp Thanh	Hải	Nam	19/11/1996	Khánh Hòa	Kinh
5	5	Lê Nguyễn Gia	Hy	Nam	12/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh
6	6	Trần Anh	Ngọc	Nam	15/3/1996	Quảng Bình	Kinh
7	7	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh	Nữ	18/10/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh
8	8	Nguyễn Linh	Thoại	Nam	24/6/1996	Tiền Giang	Kinh
9	9	Võ Ngọc Huy	Thông	Nam	06/3/1996	Long An	Kinh
10	10	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	Nữ	22/01/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh

2. Chẩn thương chỉnh hình: 07 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
11	1	Phan Tiến Bảo	Anh	Nam	25/5/1996	Bình Thuận	Kinh
12	2	Đinh Văn Thái	Bảo	Nam	19/10/1996	Quảng Nam	Kinh
13	3	Phạm Thế	Kiên	Nam	07/9/1996	Phú Yên	Kinh
14	4	Phạm Quốc Quan	Sang	Nam	15/9/1996	Đồng Nai	Kinh
15	5	Lê Văn Thanh	Son	Nam	17/9/1996	Đắk Lắk	Kinh
16	6	Lý Thiên	Tài	Nam	14/7/1996	Đồng Nai	Hoa
17	7	Lê Nhật	Thành	Nam	14/02/1996	Kiên Giang	Kinh

3. Đa liễu: 03 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
18	1	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	07/9/1996	Phú Yên	Kinh
19	2	Nguyễn Thị Khánh	Hằng	Nữ	13/6/1996	Khánh Hòa	Kinh
20	3	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	26/3/1996	Đắk Lắk	Kinh

4. Gây mê hồi sức: 09 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
21	1	Nguyễn Lê	Huyền	Nam	23/4/1996	Ninh Thuận	Kinh
22	2	Nguyễn Hằng	Nguyệt	Nữ	16/5/1995	Đắk Lắk	Kinh
23	3	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	09/10/1996	Đồng Nai	Kinh
24	4	Trần Thành	Phát	Nam	15/02/1996	Long An	Kinh
25	5	Lê Quang	Phong	Nam	24/4/1996	Tây Ninh	Kinh
26	6	Nguyễn Thanh	Tân	Nam	23/01/1996	Đắk Lắk	Kinh
27	7	Nguyễn Quang	Tuyến	Nam	15/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
28	8	Nguyễn Trần Quỳnh	Thư	Nữ	16/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh
29	9	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	Nữ	06/10/1995	Đắk Lắk	Kinh

5. Giải phẫu bệnh: 05 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
30	1	Phạm Thị Như	Diễm	Nữ	23/4/1996	Gia Lai	Kinh
31	2	Vũ Tuấn	Dũng	Nam	22/9/1996	Khánh Hòa	Kinh
32	3	Lê Trọng	Hiếu	Nam	15/6/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh
33	4	Bùi Phương	Quỳnh	Nữ	02/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
34	5	Lưu Đức	Tùng	Nam	08/01/1996	Đắk Nông	Kinh

6. Hồi sức cấp cứu: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
35	1	Viên Nhật	Duy	Nam	08/12/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
36	2	Kiều Trung	Hiếu	Nam	22/12/1996	TP. Hà Nội	Kinh
37	3	Phan Thị Kim	Ngọc	Nữ	01/9/1996	Bình Thuận	Kinh
38	4	Phạm Thị	Oanh	Nữ	13/11/1996	Đắk Lắk	Kinh

7. Huyết học - Truyền máu: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
39	1	Phan Văn	Hiếu	Nam	06/10/1996	Bình Thuận	Kinh
40	2	Lê Quang	Hoàng	Nam	20/10/1996	Vĩnh Long	Kinh
41	3	Hoàng Văn	Hữu	Nam	18/6/1996	Quảng Trị	Kinh
42	4	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	02/7/1994	Nam Định	Kinh
43	5	Phan Ngô Quang	Thạch	Nam	09/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
44	6	Trần Ngọc Xuân	Thy	Nữ	14/02/1996	Đồng Nai	Kinh
45	7	Bùi Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	18/12/1996	Lâm Đồng	Kinh
46	8	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Nữ	29/02/1996	Khánh Hòa	Kinh

8. Lao: 02 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
47	1	Nguyễn Bảo	Linh	Nam	01/10/1996	Khánh Hòa	Kinh
48	2	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	21/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

9. Lão khoa: 07 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
49	1	Nguyễn Ngọc Hoàn	Băng	Nam	18/9/1996	Bến Tre	Kinh
50	2	Phạm Hoàng	Hải	Nam	27/01/1996	Kiên Giang	Kinh
51	3	Trần Minh	Huy	Nam	04/5/1996	Bến Tre	Kinh
52	4	Trương Trí	Khoa	Nam	04/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
53	5	Phan Thanh Hải	Nam	Nam	30/5/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
54	6	Đặng Ngọc	Son	Nam	05/6/1996	Đồng Nai	Kinh
55	7	Trần Tiến	Trung	Nam	18/10/1996	Đắk Lắk	Kinh

10. Ngoại khoa: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
56	1	Phạm Long	Bình	Nam	23/01/1996	Đồng Tháp	Kinh
57	2	Trần Nhật	Hạ	Nam	17/5/1996	Khánh Hòa	Kinh
58	3	Võ Phú	Hậu	Nam	02/6/1996	Quảng Ngãi	Kinh
59	4	Bùi Thị	Huyền	Nữ	06/7/1996	Đắk Lắk	Kinh
60	5	Trịnh Thành	Lộc	Nam	30/6/1996	Bình Thuận	Kinh
61	6	Lê Quý	Nguyễn	Nam	20/4/1996	Kon Tum	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
62	7	Dương Minh	Nhựt	Nam	16/3/1995	Kiên Giang	Kinh
63	8	Nguyễn Hải	Son	Nam	04/01/1995	Đắk Lắk	Kinh
64	9	Đình Thuận	Thiên	Nam	06/01/1995	Đắk Lắk	Kinh
65	10	Trần Ngọc	Thiện	Nam	14/10/1995	Quảng Trị	Kinh

11. Ngoại - Lòng ngực: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
66	1	Trương Đình Đức	Anh	Nam	03/01/1996	Đồng Nai	Kinh
67	2	Phan Quốc	Cường	Nam	05/01/1996	Bình Định	Kinh
68	3	Lâm Đắc	Huy	Nam	15/5/1996	Trà Vinh	Kinh
69	4	Đỗ Đăng	Khoa	Nam	30/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

12. Ngoại - Nhi: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
70	1	Huỳnh Thị Phụng	Chân	Nữ	25/01/1996	Đồng Tháp	Kinh
71	2	Trần Huy	Hoàng	Nam	19/02/1995	Nam Định	Kinh
72	3	Trần Văn	Hùng	Nam	19/7/1996	TP. Đà Nẵng	Kinh
73	4	Huỳnh Minh	Mẫn	Nam	28/6/1996	Đồng Nai	Kinh
74	5	Trần Thị	Phượng	Nữ	27/5/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh
75	6	Đình Nguyễn Hoài	Thanh	Nam	31/8/1996	Tây Ninh	Kinh

13. Ngoại - Tiết niệu: 03 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
76	1	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	18/5/1996	Quảng Nam	Kinh
77	2	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	26/3/1996	Bến Tre	Kinh
78	3	Nguyễn Tú	Tài	Nam	27/10/1996	Quảng Ngãi	Kinh

14. Ngoại - Thần kinh và Sọ não: 05 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
79	1	Huỳnh Phú	An	Nam	26/01/1996	Đồng Tháp	Kinh
80	2	Bùi Hoàng Tuấn	Dũng	Nam	24/12/1996	Gia Lai	Kinh
81	3	Nguyễn Doãn Hoàng	Giang	Nam	01/01/1996	Lâm Đồng	Kinh
82	4	Nguyễn Quốc	Hùng	Nam	31/12/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh
83	5	Hồ Minh	Triết	Nam	29/5/1996	Bến Tre	Kinh

15. Nhân khoa: 05 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
84	1	Nguyễn Lê Thành	Đạt	Nam	14/8/1996	Tiền Giang	Kinh
85	2	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	21/9/1996	Nam Định	Kinh
86	3	Nguyễn Nhật	Hân	Nam	04/10/1996	Quảng Ngãi	Kinh
87	4	Dương Đăng Thành	Nam	Nam	10/10/1996	Lâm Đồng	Kinh
88	5	Lê Võ Ngọc	Quyên	Nữ	30/8/1995	Tiền Giang	Kinh

16. Nhi khoa: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
89	1	Phạm Quốc	Cường	Nam	26/5/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
90	2	Diệp Đình	Được	Nam	15/11/1996	Bến Tre	Kinh
91	3	Trương Quang	Huy	Nam	20/5/1996	Đồng Nai	Kinh
92	4	Trần Quốc	Khánh	Nam	02/9/1996	Bình Dương	Kinh
93	5	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	29/3/1995	Đồng Nai	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
94	6	Nguyễn Ngọc	Tín	Nam	15/11/1996	Đắk Lắk	Kinh
95	7	Nguyễn Thị Mai	Thảo	Nữ	12/8/1996	Bình Định	Kinh
96	8	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư	Nữ	29/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh
97	9	Hứa Nguyễn Anh	Thư	Nữ	16/6/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
98	10	Phan Nhất	Vy	Nữ	15/12/1995	Khánh Hòa	Kinh

17. Nội khoa: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
99	1	Trần Minh	Đương	Nam	18/8/1994	Bạc Liêu	Kinh
100	2	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	03/12/1996	Lâm Đồng	Kinh
101	3	Lâm Tú	Hương	Nữ	14/12/1996	Tiền Giang	Hoa
102	4	Trần Lê Quốc	Khánh	Nam	25/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
103	5	Bùi Hữu Minh	Khuê	Nữ	01/6/1996	Thừa Thiên Huế	Kinh
104	6	Lê Minh	Quân	Nam	18/01/1996	Bến Tre	Kinh
105	7	Nguyễn Nhật	Tài	Nam	15/9/1996	Đắk Lắk	Kinh
106	8	Nguyễn Đình	Thắng	Nam	23/10/1996	Gia Lai	Kinh
107	9	Phạm Thị Minh	Thuận	Nữ	13/11/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
108	10	Đặng Tường	Vi	Nữ	27/02/1996	Bình Phước	Kinh

18. Nội tiết: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
109	1	Lương Khôi	Nguyên	Nam	12/5/1996	Đắk Lắk	Kinh
110	2	Phạm Yến	Nhi	Nữ	04/9/1996	Long An	Kinh
111	3	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	04/02/1996	Bình Phước	Kinh
112	4	Lâm Quốc	Thiên	Nam	11/9/1996	Trà Vinh	Kinh

19. Phục hồi chức năng: 05 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
113	1	Đồng Ngọc Hoàng	Anh	Nam	16/12/1996	Kiên Giang	Kinh
114	2	Tô Trường	Duy	Nam	10/12/1994	Kiên Giang	Kinh
115	3	Võ Trần	Huy	Nam	20/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh
116	4	Dương Thị Quế	Lan	Nữ	18/01/1996	Khánh Hòa	Kinh
117	5	Lê Thị Nhật	Phượng	Nữ	13/4/1996	Quảng Nam	Kinh

20. Răng Hàm Mặt: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
118	1	Bùi Minh	Anh	Nam	27/10/1995	Kiên Giang	Kinh
119	2	Lê Hùng	Cường	Nam	03/4/1996	Đắk Lắk	Kinh
120	3	Võ Trọng	Diêm	Nam	07/02/1996	Bình Thuận	Kinh
121	4	Hoàng Anh	Dũng	Nam	21/7/1996	Nghệ An	Kinh
122	5	Đoàn Cao Quốc	Duy	Nam	11/6/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
123	6	Nguyễn Việt	Hà	Nữ	22/10/1996	Bình Thuận	Kinh
124	7	Dương Văn	Hưng	Nam	17/12/1995	Quảng Ngãi	Kinh
125	8	Lê Thiện	Quang	Nam	19/12/1996	Thanh Hóa	Kinh
126	9	Phạm Ngọc Thanh	Thảo	Nữ	16/11/1996	Phú Yên	Kinh
127	10	Trần Thiện	Trường	Nam	12/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

21. Sản phụ khoa: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
128	1	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	18/5/1995	Tiền Giang	Kinh
129	2	Lê Thị	Hòa	Nữ	07/4/1995	Quảng Ngãi	Kinh
130	3	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	23/10/1996	Phú Yên	Kinh
131	4	Huỳnh Phúc Khánh	Minh	Nam	15/4/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
132	5	Trần Huỳnh Trung	Như	Nam	25/5/1996	Phú Yên	Kinh
133	6	Lê Chí	Thanh	Nam	27/3/1996	Tây Ninh	Kinh

22. Tai Mũi Họng: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
134	1	Mai Thị Trâm	Anh	Nữ	14/02/1996	Đắk Lắk	Kinh
135	2	Ngô Thành	Đạt	Nam	30/3/1996	Quảng Ngãi	Kinh
136	3	Lê Minh	Hùng	Nam	09/8/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
137	4	Phan Đức	Huy	Nam	28/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
138	5	Phan Ngọc	Hưng	Nam	05/10/1996	Quảng Ngãi	Kinh
139	6	Nguyễn Trần Bảo	Nghi	Nữ	27/4/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
140	7	Đặng Duy	Phong	Nam	17/6/1996	Bình Định	Kinh
141	8	Nguyễn Đức	Vượng	Nam	21/7/1996	Nam Định	Kinh

23. Tâm thần: 03 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
142	1	Dương Thị Thùy	Dung	Nữ	06/8/1995	Hà Tĩnh	Kinh
143	2	Vũ Đức	Nguyên	Nam	07/7/1996	Đồng Nai	Kinh
144	3	Nguyễn Thị Thu	Sương	Nữ	14/4/1996	Đắk Lắk	Kinh

24. Thần kinh: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
145	1	Nguyễn Thành	An	Nam	29/4/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
146	2	Chiêm Nguyên	Đức	Nam	02/8/1995	Kiên Giang	Kinh
147	3	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	19/3/1996	An Giang	Kinh
148	4	Dương Thị	Lên	Nữ	02/01/1996	Quảng Nam	Kinh
149	5	Võ Phương	Quỳnh	Nữ	31/7/1996	Đồng Nai	Kinh
150	6	Châu Văn	Thoại	Nam	01/9/1996	Bình Định	Kinh
151	7	Phan Quân	Thụy	Nam	21/6/1996	Đồng Tháp	Kinh
152	8	Lê Phương	Vy	Nữ	17/3/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

25. Truyền nhiễm: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
153	1	Phạm Hoàng Khả	Hân	Nữ	17/12/1996	Bến Tre	Kinh
154	2	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	07/4/1996	Tiền Giang	Kinh
155	3	Võ Thị Hồng	Nhi	Nữ	04/8/1996	Quảng Ngãi	Kinh
156	4	Lê Thái Kim	Thư	Nữ	19/6/1996	An Giang	Kinh

26. Ung thư: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
157	1	Nguyễn Xuân	Hiếu	Nam	22/7/1996	Đồng Nai	Kinh
158	2	Đặng Minh	Khoa	Nam	05/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
159	3	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	25/12/1996	Đắk Lắk	Kinh
160	4	Đặng Thị Liễu	Trinh	Nữ	05/9/1995	Bình Định	Kinh

27. Y học cổ truyền: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
161	1	Nguyễn Văn	Duy	Nam	26/9/1996	Quảng Nam	Kinh
162	2	Trần Công Đại	Lộc	Nam	17/4/1995	Tây Ninh	Kinh
163	3	Nguyễn Công	Nguyên	Nam	22/01/1996	Bình Định	Kinh
164	4	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	19/5/1996	Bình Định	Kinh
165	5	Nguyễn Thị Thu	Sông	Nữ	11/11/1996	Lâm Đồng	Kinh
166	6	Võ Chí	Thiện	Nam	04/11/1996	Đồng Tháp	Kinh

Ấn định danh sách đề nghị công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú khóa 2020-2023 của Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh là 166 (một trăm sáu mươi sáu) học viên thuộc 27 (hai mươi bảy) chuyên ngành./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hoàng Bắc

#